UBND HUYỆN NINH HẢI
TRUNG TÂM Y TẾ

Số: 821/TTYT-KD
V/v yêu cầu báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Hải, ngày 21 tháng 8 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm y tế huyện Ninh Hải có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hóa chất y tế đấu thầu năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải. 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Hoàng - Phòng Văn thư - Trung tâm y tế huyện Ninh Hải; 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận.

Số điện thoại: 0977.962.317; Email: benhvienninhhai@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Gửi theo đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Phòng Văn thư* - Trung tâm y tế huyện Ninh Hải; 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h 30 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h ngày 07 tháng 9 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 07/09/2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chào giá: Mua sắm hóa chất y tế đấu thầu năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải (*Phụ lục 1*).

2. Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự:

- *Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu (Phụ lục 2).*

- Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế.

3. Địa điểm giao hàng: Khoa Dược - TTB - VTYT, 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 05 ngày, kể từ ngày đơn vị đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng, kể từ khi nghiệm thu hàng hóa.

6. Các thông tin khác :

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hóa được tính từ ngày đơn vị nhận được hàng: ≥ 9 tháng.

- Thư yêu cầu báo giá này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị: *https://trungtamyteninhhai.com*

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin:

+ Tên đơn vị tham gia báo giá;

+ Tên gói thầu báo giá;

+ Người nhận: Hoàng - Phòng Văn thư - Trung tâm y tế huyện Ninh Hải; 93 Phạm Ngọc Thạch, Khánh Sơn, Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận; SĐT: 0977.962.317.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các nhà thầu.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đăng trên website https://trungtamyteninhhai.com
- Lưu VT, KD-TTB-VTYT.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI T. NINH THUẬN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NINH HẢI

Trần Văn Hương

UBND HUYỆN NINH HẢI
TRUNG TÂM Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT Y TẾ ĐẤU THẦU NĂM 2023
của Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải

(Đính kèm công văn số: 821/TTYT-KD ngày 21/08/2023)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa Erba - XL200**			
1	Hóa chất định lượng Amylase	5 lọ x 22ml	Hộp	1
2	Hóa chất định lượng Bilirubin Direct	R1: 6 lọ x 44ml; R2: 6 lọ x 11ml	Hộp	1
3	Hóa chất định lượng Bilirubin Total	R1: 6 lọ x 44ml; R2: 6 lọ x 11ml	Hộp	1
4	Hóa chất định lượng Cholesterol	10 lọ x 44 ml	Hộp	2
5	Hóa chất định lượng HDL Cholesterol (hoặc tương đương HDL C)	R1: 4 lọ x 30ml; R2: 4 lọ x 10ml	Hộp	6
6	Hóa chất định lượng Creatinine	R1: 5 lọ x 44ml; R2: 5 lọ x 11ml	Hộp	6
7	Hóa chất định lượng Glucose	10 lọ x 44ml	Hộp	10
8	Hóa chất định lượng GGT	R1: 2 lọ x 44ml; R2: 2 lọ x 11ml	Hộp	5
9	Hóa chất định lượng Urea	R1: 5 lọ x 44ml; R2: 5 lọ x 11ml	Hộp	5
10	Hóa chất định lượng Uric Acid	10 lọ x 44ml	Hộp	1
11	Hóa chất định lượng AST/GOT	R1: 6 lọ x 44ml; R2: 6 lọ x 11ml	Hộp	4
12	Hóa chất định lượng ALT/GPT	R1: 6 lọ x 44ml; R2: 6 lọ x 11ml	Hộp	4
13	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	10 lọ x 44 ml	Hộp	1
14	Hóa chất định lượng Triglycerides	10 lọ x 44 ml	Hộp	3

II	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480 - Beckman Coulter**			
15	Hóa chất định lượng CK-MB	R1: 2 lọ x 22ml; R2: 2 lọ x 4ml; R3: 2 lọ x 6ml	Hộp	1
16	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK- MB (hoặc tương đương CK-MB Calibrator)	≥ 1ml	Chai/ Lọ	1
17	Hóa chất kiểm chứng mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB (hoặc tương đương CK-MB Control Serum Level 1)	≥ 2ml	Chai/ Lọ	1
18	Hóa chất định lượng CRP	R1: 4 lọ x 14ml; R2: 4 lọ x 6ml	Hộp	1
19	Hóa chất hiệu chuẩn đa mục đích cho protein huyết thanh 1 (hoặc tương đương Serum Protein Multi-Calibrator 1)	6 x 2ml	Hộp	1
20	Hóa chất chứng cho xét nghiệm đo độ đục miễn dịch (hoặc tương đương ITA control serum level 2)	≥ 2ml	Chai/ Lọ	1
21	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy (hoặc tương đương System Calibrator)	≥ 5ml	Chai/ Lọ	4
22	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1 (hoặc tương đương Control Serum 1)	≥ 5ml	Chai/ Lọ	12
23	Hóa chất định lượng nồng độ Ethanol máu	2 lọ x 20ml + 2 lọ x 7ml	Hộp	1
24	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO2 (hoặc tương đương Ammonia/Ethanol/CO2 Calibrator)	2 lọ x 5ml	Hộp	1
25	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2 (hoặc tương đương Ammonia/Ethanol/CO2 Control I)	3 lọ x 5ml	Hộp	1
26	Bộ thuốc thuốc thử, hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	R1: 2 lọ x 37.5ml; R2: 2 lọ x 7.5ml; R3: 2 lọ x 34.5ml; 5 lọ x 2ml	Hộp	2
27	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c (hoặc tương đương Hemolyzing Reagent)	≥ 1 lít	Chai/ Lọ/ Can	1
28	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c (hoặc tương đương ExtendSURE HbA1c Liquid Controls)	2 lọ x 1ml + 2 lọ x 1ml	Hộp	1

29	Hóa chất hiệu chuẩn mức trung bình xét nghiệm định lượng Na, K, Cl (hoặc tương đương ISE Mid Standard)	≥ 2 lít	Chai/ Lọ/ Can	8
30	Hóa chất đệm dùng cho xét nghiệm điện giải (hoặc tương đương ISE Buffer)	≥ 2 lít	Chai/ Lọ/ Can	4
31	Hóa chất rửa máy sinh hóa (hoặc tương đương Wash Solution)	≥ 5 lít	Chai/ Lọ/ Can	4
32	Hóa chất hiệu chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng Na, K, Cl (hoặc tương đương ISE High Serum Standard)	≥ 100ml	Chai/ Lọ/ Can	1
33	Hóa chất hiệu chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng Na, K, Cl (hoặc tương đương ISE Low Serum Standard)	≥ 100ml	Chai/ Lọ/ Can	1
34	Hóa chất tạo điện thế cơ sở cho xét nghiệm định lượng Na, K, Cl (hoặc tương đương ISE Reference)	≥ 1 lít	Chai/ Lọ/ Can	1
III	**Nhóm hóa chất dùng cho máy xét nghiệm Huyết học Nihon Kohden Celltac G**			
35	Hóa chất pha loãng máy huyết học 33 thông số (hoặc tương đương Isotonac3)	≥ 18 lít	Can	90
36	Hóa chất ly giải 3 thành phần hồng cầu máy huyết học 33 thông số (hoặc tương đương Hemolynac 310)	≥ 250ml	Chai/ Lọ/ Can	20
37	Hóa chất ly giải 5 thành phần hồng cầu máy huyết học 33 thông số (hoặc tương đương Hemolynac 510)	≥ 250ml	Chai/ Lọ/ Can	20
38	Hóa chất rửa máy huyết học 33 thông số (hoặc tương đương Cleanac 710)	≥ 2 lít	Chai/ Lọ/ Can	20
39	Hóa chất rửa mạnh máy huyết học 33 thông số (hoặc tương đương Cleanac 810)	3 lọ x 15 ml	Hộp	1
40	Máu chuẩn dùng kiểm tra chất lượng máy huyết học 33 thông số (hoặc tương đương MEK-5DN)	≥ 3ml	Chai/ Lọ	2
IV	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học ABX Micros 60**			
41	Hóa chất pha loãng cho máy xét nghiệm huyết học 18 thông số (hoặc tương đương Diluent)	≥ 20 lít	Can	5
42	Hóa chất ly giải 3 thành phần Bạch cầu cho máy xét nghiệm huyết học 18 thông số (hoặc tương đương Lyse)	≥ 500ml	Chai/ Lọ/ Can	3

43	Hóa chất rửa máy xét nghiệm huyết học 18 thông số (hoặc tương đương Rinse)	≥ 20 lít	Can	1
V	**Nhóm test thử dùng xét nghiệm vi sinh**			
44	Test thử kháng thể viêm gan C - Anti HCV		Test	700
45	Test thử kháng nguyên viêm gan B - HBsAg		Test	1.800
46	Test thử kháng nguyên viêm gan B - HBeAg		Test	350
47	Test thử kháng thể viêm gan B - HBsAb		Test	250
48	Test thử kháng nguyên sốt xuất huyết - Dengue		Test	3.000
49	Test thử kháng thể sốt xuất huyết - Dengue IgG/IgM		Test	600
50	Test nhanh chẩn đoán bệnh tay chân miệng - EV71 IgM		Test	100
51	Test ma túy 4 chất gây nghiện (MDMA -THC - MET -MOP)		Test	225
52	Test thử kháng thể Helicobacter pylori		Test	420
53	Test thử kháng nguyên Helicobacter pylori		Test	150
VI	**Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu Mission U120**			
54	Test thử nước tiểu 10 thông số		Test	3.000
	Tổng cộng: 54 khoản			

PHỤ LỤC 2

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải, chúng tôi …… .*[**ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp**; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:.

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	Thành tiền

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[**ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá**].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

…., ngày…..... tháng…....năm 2023

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))